

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2021/DS-ST**

Ngày: 02/3/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Ngọc Hiếu
2. Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K: Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 280/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: Số 442 đường N, Phường N, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hứa Thị Phương K, sinh năm 1993; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần A; Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà A Tower, số 444A-446 đường C, Phường M, Quận B, Thành Phố H. (Giấy ủy quyền số 805/UQ-QLN.20 ngày 10/8/2020). (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1969; (Vắng mặt)

Bà Tạ Thị Thanh T, sinh năm 1969; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 227/4 (số cũ 231/7) đường G, phường T, quận K, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây viết tắt là A) cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Xuân H căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Xuân H ký ngày 10/01/2011; Giấy xác nhận về việc nhận thẻ/PIN của ông Nguyễn Xuân H ký ngày 18/02/2011; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A, với các chi tiết như sau:

- Số thẻ tín dụng: 4791 3926 0000 9985;
- Ngày cấp 11/02/2011;
- Loại thẻ: Visa vàng (Thẻ tín dụng quốc tế);
- Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng.
- Hiệu lực thẻ: tháng 02/2014.
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

A cấp thẻ tín dụng phụ (cho bà Tạ Thị Thanh T từ thẻ chính của ông Nguyễn Xuân H căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T ký ngày 13/12/2011:

- Số thẻ tín dụng: 4791 3926 0003 0841.
- Ngày cấp: 27/12/2011.
- Loại thẻ: Visa vàng.
- Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng.
- Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 05/3/2011 đến ngày 05/5/2014, ông H và bà T thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 96.130.861 đồng, thanh toán cho A tổng số tiền 66.530.535 đồng. Sau đó ông H và bà T không thực hiện đúng cam kết về việc thanh toán cho A cho đến nay.

Do ông H và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/4/2014 A đã chuyển khoản nợ thẻ tín dụng của ông H và bà T sang nợ quá hạn và ngày 23/4/2014 A đã thông báo chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng, dư nợ của khoản thẻ là 47.882.320 đồng.

Tính đến ngày 02/3/2021 ông H và bà T còn nợ A số tiền 184.634.959 đồng, trong đó:

- Số tiền vốn là 47.882.320 đồng
- Số tiền lãi là 136.752.639 đồng.

Nay A kính đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T trả cho A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 02/3/2021 là 184.634.959 đồng (*Một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ và Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ kể từ ngày 03/3/2021 đến ngày ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T trả dứt nợ. Yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, lãi quá hạn.

Tòa án nhân dân quận K đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 18/11/2020 và 22/12/2020 để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn là ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa xét xử:

- Bà Hứa Thị Phương K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tổ tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Xuân H ký ngày 10/01/2011; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T ký ngày 13/12/2011; Giấy xác nhận về việc nhận thẻ/PIN của ông Nguyễn Xuân H ký ngày 18/02/2011; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A giữa A và ông H, bà T, thì ông H và bà T còn nợ A số tiền 184.634.959 đồng. Do ông H và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 351, Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của A, buộc ông H và bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 184.634.959 đồng (*Một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/3/2021 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quá hạn quy định trong hợp đồng. Yêu cầu ông H và bà T thanh toán một lần số nợ khi bản án có hiệu lực theo thứ tự sau: vốn gốc, lãi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Hội đồng xét xử xét thấy tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Xuân H ký ngày 10/01/2011; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T ký ngày 13/12/2011; Giấy xác nhận về việc nhận thẻ/PIN của ông Nguyễn Xuân H ký ngày 18/02/2011; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A). Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T cư trú tại quận K nên Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hạn khởi kiện và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:* Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tổ tụng dân

sự. Bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn:

- *Xét yêu cầu thanh toán số tiền 184.634.959 đồng (trong đó vốn gốc là 47.882.320 đồng; lãi là 136.752.639 đồng)*

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đối với bị đơn trong vụ án theo quy định tại các Điều 170, Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *“đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì *“một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, ... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Xuân H ký ngày 10/01/2011; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T ký ngày 13/12/2011; Giấy xác nhận về việc nhận thẻ/PIN của ông Nguyễn Xuân H ký ngày 18/02/2011; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A do ông H, bà T đã ký với A thì hình thức và nội dung sự thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Theo đề nghị của ông H và bà T, A đã cấp thẻ tín dụng quốc tế (Visa vàng) cho ông H và bà T, hạn mức thẻ là 50,000,000 đồng, để tiêu dùng cá nhân. Trong đó, ông H đứng tên trên thẻ chính có số thẻ là 4791 3926 0000 9985 và bà T đứng tên trên thẻ phụ có số thẻ là 4791 3926 0003 0841. Thực hiện hợp đồng, ông H và bà T đã giao dịch tổng số tiền là 96.130.861 đồng, đã thanh toán số tiền 66.530.535 đồng, tính đến ngày 02/3/2021 còn nợ lại 184.634.959 đồng (trong đó số tiền vốn là 47.882.320 đồng và số tiền lãi là 136.752.639 đồng). Trong việc thực hiện hợp đồng trên, ông H và bà T là bên vi phạm hợp đồng, không trả nợ đúng hạn quy định trong hợp đồng nên A yêu cầu ông H và bà T thanh toán số tiền 184.634.959 đồng là phù hợp với quy định tại điểm 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”* nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- *Xét yêu cầu thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số nợ và theo thứ tự: vốn gốc, lãi quá hạn.*

Ông H và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên A yêu cầu ông H và bà T thanh toán số tiền 184.634.959 đồng một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 351 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

- *Xét yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 03/3/2021 cho đến khi ông H và bà T trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.*

Xét hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên có thỏa thuận rõ lãi suất, ông H và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên A yêu cầu ông H và bà T phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 179, Điều 196, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Xuân H ký ngày 10/01/2011 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T ký ngày 13/12/2011, tính đến ngày 02/3/2021 là 184.634.959 đồng (*Một trăm tám mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*), trong đó:

- Số tiền vốn là 47.882.320 đồng
- Số tiền lãi là 136.752.639 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, theo thứ tự: vốn gốc, lãi quá hạn.

Kể từ ngày 03/3/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T phải chịu số tiền 9.231.748 đồng (*Chín triệu hai trăm ba mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 4.165.058 đồng (*Bốn triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm năm mươi tám đồng*) theo Biên lai thu số 0070976 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận K.

3. Địa điểm thi hành: Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Xuân H và bà Tạ Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký*)

Ngô Thị Thùy Trang